|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN YÊN MINH  **PHÒNG TÀI NGUYÊN & MT**  Số: /TB - TNMT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Yên Minh, ngày tháng năm 2023* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa và phê duyệt nội dung tái cấu trúc chuẩn hóa quy trình, biểu mẫu điện tử thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến của ngành Tài nguyên và Môi trường**

**áp dụng trên địa bàn huyện**

Căn cứ Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND tỉnh Hà Giang về công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa và phê duyệt nội dung tái cấu trúc chuẩn hóa quy trình, biểu mẫu điện tử thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến của ngành Tài nguyên và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

(Có quy trình kèm theo)

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Yên Minh thông báo niêm yết, công khai nội dung quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn huyện Yên Minh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - VP HĐND - UBND huyện;  - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC huyện;  - Ủy ban nhân dân 18 xã/thị trấn;  - Phòng TN&MT;  - Các Phó trưởng phòng TN&MT;  - Lưu TNMT. | **TRƯỞNG PHÒNG**  **Nguyễn Hữu Tuyển** |

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CẤP HUYỆN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Mã thủ tục HC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Cấp thực hiện** | **Ghi chú** |
| **A** | **Lĩnh vực: Đất đai** | |  |  |
| 1 | 2.000395 | Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện | Cấp huyện |  |
| 2 | 2.001234 | Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư | Cấp huyện |  |
| 3 | 2.000381 | Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất | Cấp huyện |  |
| 4 | 1.000798 | Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân | Cấp huyện |  |
| 5 | 1.003572 | Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân | Cấp huyện |  |
| **B** | **Lĩnh vực: Môi trường** | |  |  |
| 1 | 1.010723 | Cấp giấy phép môi trường | Cấp huyện |  |
| 2 | 1.010724 | Cấp đổi giấy phép môi trường | Cấp huyện |  |
| 3 | 1.010725 | Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | Cấp huyện |  |
| 4 | 1.010726 | Cấp lại giấy phép môi trường | Cấp huyện |  |
| **C** | **Lĩnh vực: Tài nguyên nước** | |  |  |
| 1 | 1.001662 | Đăng ký tờ khai thác dưới đất | Cấp huyện |  |
| 2 | 1.001645 | Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lấy ý kiến. | Cấp huyện |  |

**II. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Lĩnh vực đất đai**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** 2.000395 | | | | | | | | |
| **Tên thủ tục: Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.** | | | | | | | | |
| **1. Cấp thực hiện:** Cấp huyện | | | | | | | | |
| **2. Lĩnh vực: Đất đai** | | | | | | | | |
| **3. Trình tự thực hiện:** | | | | | | | | |
| **3.1** | | **Nộp hồ sơ TTHC** | | | | | | |
| Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp nộp đơnđến UBND cấp huyện. | | | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*  - Trường hợp nộp trực tiếp: Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp nộphồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.  - Trường hợp gửi qua Dịch vụ Bưu chính: Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp gửi hồ sơ qua dịch vụ Bưu chính, nhân viên Bưu chính nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.  - Trường hợp nộp qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đăng ký/đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử và thực hiện quy trình nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh ([http://dichvucong.hagiang.gov.vn](https://dichvucong.hagiang.gov.vn)) theo hướng dẫn. | | | | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.  - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | | | | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | | | | |
| **STT** | | **Tên thành phần hồ sơ** | | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua Dịch vụ bưu chính* | | *Gửi trực tuyến* | |
| 1 | | Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai | | Bản chính văn bản giấy | | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 2 | | Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã; biên bản làm việc với các bên tranh chấp và người có liên quan; biên bản kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp; biên bản cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai đối với trường hợp hòa giải không thành; biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết tranh chấp | | Bản sao chứng thực bản giấy | | Bản sao chứng thực điện tử | | 01 |
| 3 | | Trích lục bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến diện tích đất tranh chấp và các tài liệu làm chứng cứ, chứng minh trong quá trình giải quyết tranh chấp. | | Bản sao chứng thực bản giấy | | Bản sao chứng thực điện tử | | 01 |
| Số lượng hồ sơ: 01 bộ. | | | | | | | | |
| **3.2** | | **Tiếp nhận hồ sơ TTHC** | | | | | | |
| *- Hồ sơ tiếp nhận trực tiếp:* Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ *(sau đây gọi chung là cán bộ Một cửa)* tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hướng dẫn, hỗ trợ công dân đăng ký, đăng nhập tài khoản, chuẩn bị và nộp hồ sơ điện tử. Trường hợp công dân không có nhu cầu nộp hồ sơ điện tử cán bộ Một cửa thực hiện tiếp nhận phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan), số hoá hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;  Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ Một cửa phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.  Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.  *- Hồ sơ tiếp nhận qua Dịch vụ Bưu chính*: Cán bộ Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan), số hoá hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ Một cửa phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính;  Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.  *- Hồ sơ tiếp nhận trực tuyến:*Cán bộ Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện tiếp nhận, cấp mã hồ sơ thủ tục hành chính và xử lý hồ sơ theo quy trình. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định, cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện phải có thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần để công dân bổ sung đầy đủ, chính xác hoặc gửi đúng đến cơ quan có thẩm quyền.  Việc thông báo được thực hiện thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn tới người dân của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. | | | | | | | | |
| **3.3** | | **Giải quyết, trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC** | | | | | | |
| ***Bước 1:*** Chủ tịch UBND cấp huyện phân công phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu, giải quyết: 03 ngày làm việc. | | | | | | | | |
| ***Bước 2:*** Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức hòa giải giữa các bên tranh chấp, tổ chức cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai (nếu cần thiết) và hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện: 37 ngày làm việc. | | | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Gửi liên thông. | | | | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:* Thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. | | | | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | | | | |
| **STT** | | **Tên thành phần hồ sơ** | | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | | **Số lượng** |
| 1 | | Báo cáo đề xuất | | Bản điện tử được ký số | | | | 01 |
| 2 | | Bản dự thảo Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành | | Bản dự thảo | | | | 01 |
| 3 | | Hồ sơ đã nhận từ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết cấp huyện | | Bản điện tử được ký số hoặc Hồ sơ số hóa | | | | 01 |
| *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ | | | | | | | | |
| ***Bước 3:*** UBND cấp huyện xem xét, quyết định; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do; chuyển kết quả đến Phòng Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày làm việc. | | | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. | | | | | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả:* Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết cấp huyện. | | | | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | | **Số lượng** | |
| *Gửi trực tiếp* | | *Gửi liên thông qua HTTTGQ*  *TTHC* | |
| 1 | Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành. | | Bản chính văn bản giấy | | bản điện tử được ký số | | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản | |
| ***Bước 4:*** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện trả kết quả cho người yêu cầu: 02 ngày làm việc. | | | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến. | | | | | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của công dân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | | | | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | | | | |
| **STT** | | **Tên kết quả TTHC** | | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | | **Số lượng** |
| Trả trực tiếp hoặc qua DV bưu chính | | Trả trực tuyến | |
| 1 | | Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành | | Bản chính văn bản giấy | | bản điện tử được ký số | | 01 |
| **4** | | **Thời hạn giải quyết:**   * *Theo quy định của pháp luật*: 45 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày; trừ thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai). * *Theo thực tế tại địa phương*: 45 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày; trừ thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai). | | | | | | |
| **5** | | **Đối tượng thực hiện TTHC:**Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX). | | | | | | |
| **6** | | **Cơ quan giải quyết TTHC:**  *- Cơ quan thực hiện:*Cơ quan, đơn vị được uỷ quyền.  *- Cơ quan phối hợp:*  *- Cơ quan có thẩm quyền:* Ủy ban nhân dân cấp huyện. | | | | | | |
| **7** | | **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định | | | | | | |
| **8** | | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không. | | | | | | |
| **9** | | **Căn cứ pháp lý của TTHC:**  - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;  - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;  - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;  - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường | | | | | | |
| **10** | | **Mẫu thành phần hồ sơ:** Không có. | | | | | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** 2.001234 | | | | |
| **Tên thủ tục: Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.** | | | | |
| **1. Cấp thực hiện:** Cấp huyện. | | | | |
| **2. Lĩnh vực:** Đất đai | | | | |
| **3. Trình tự thực hiện:** | | | | |
| **3.1** | **Nộp hồ sơ TTHC** | | | |
| Người xin giao đất, thuê đất nộp hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (*Đối với UBND thành phố Hà Giang nộp hồ sơ và trả hồ sơ tại Trung tâm hành chính công thành phố Hà Giang*). | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*  - Trường hợp nộp trực tiếp: Người xin giao đất, thuê đất nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp huyện.  - Trường hợp gửi qua Dịch vụ Bưu chính: Người xin giao đất, thuê đất gửi hồ sơ qua dịch vụ Bưu chính, nhân viên Bưu chính nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp huyện.  - Trường hợp nộp qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Người xin giao đất, thuê đất đăng ký/đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử và thực hiện quy trình nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh ([http://dichvucong.hagiang.gov.vn](https://dichvucong.hagiang.gov.vn)) theo hướng dẫn. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính: Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp huyện.  - Qua Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua Dịch vụ bưu chính* | *Gửi trực tuyến* |
| 1 | Đơn xin giao đất, cho thuê đất | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (Phòng tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất). | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 07 bộ (*01 bộ bản sao và 06 bộ phô tô để cơ quan chủ trì gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan).* | | | | |
| **3.2** | **Tiếp nhận hồ sơ TTHC** | | | |
| - *Hồ sơ tiếp nhận trực tiếp*: Cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ (sau đây gọi chung là cán bộ Một cửa) tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hướng dẫn, hỗ trợ công dân đăng ký, đăng nhập tài khoản, chuẩn bị và nộp hồ sơ điện tử. Trường hợp công dân không có nhu cầu nộp hồ sơ điện tử cán bộ Một cửa thực hiện tiếp nhận phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan), số hoá hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;  Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ Một cửa phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.  Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.  - *Hồ sơ tiếp nhận qua Dịch vụ Bưu chính*: Cán bộ Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan), số hoá hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ Một cửa phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính;  Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.  - *Hồ sơ tiếp nhận trực tuyến*: Cán bộ Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, cán bộ Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ thủ tục hành chính và xử lý hồ sơ theo quy trình. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định, cán bộ Một cửa phải có thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần để công dân bổ sung đầy đủ, chính xác hoặc gửi đúng đến cơ quan có thẩm quyền.  Việc thông báo được thực hiện thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn tới người dân của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. | | | | |
| **3.3** | **Giải quyết, trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC** | | | |
| -Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, trong thời gian không quá 03 ngày, Phòng Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản và hồ sơ đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan yêu cầu thẩm định các nội dung theo quy định.  - Trong thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thẩm định của Phòng Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gửi ý kiến thẩm định bằng văn bản về Phòng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.  Phòng Tài nguyên và Môi trường quyết định tổ chức họp thẩm định lấy ý kiến hoặc kiểm tra thực địa trong trường hợp xét thấy cần thiết.  - Trong thời gian không quá 05 ngày Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến thẩm định và có văn bản Thông báo gửi đến người xin giao đất, thuê đất thông qua phiếu hẹn trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. | | | | |
| *Cách thức trả kết quả:* Trực tiếp hoặc qua dich vụ Bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của công dân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua DV bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất. | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |
| **4** | **Thời hạn giải quyết:**  **-** *Theo quy định của pháp luật*: Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - *Theo thực tế tại địa phương*: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | |
| **5** | **Đối tượng thực hiện TTHC:**Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. | | | |
| **6** | **Cơ quan giải quyết TTHC:**  *- Cơ quan thực hiện*: Phòng Tài nguyên và Môi trường;  *- Cơ quan phối hợp thực hiện*: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.  *- Cơ quan có thẩm quyền*: Ủy ban nhân dân cấp huyện. | | | |
| **7** | **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định. | | | |
| **8** | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không. | | | |
| **9** | **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**  - Luật Đất đai năm 2013;  - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;  - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;  - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;  - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;  - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.  - Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. | | | |
| **10** | **Mẫu thành phần hồ sơ:** Có mẫu kèm theo. | | | |

**Mẫu số 01**

**Đơn xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*..., ngày..... tháng .....năm ....*

# ĐƠN [[1]](#footnote-2)….

***Kính gửi***: Ủy ban nhân dân **[[2]](#footnote-3)** ...................

1. Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất [[3]](#footnote-4) ………….....

2. Địa chỉ/trụ sở chính:................................................................................................

3. Địa chỉ liên hệ:...........................................................................………….............

4. Địa điểm khu đất:....................................................................................................

5. Diện tích (m2):.........................................................................................................

6. Để sử dụng vào mục đích:[[4]](#footnote-5).....................................................................................

7. Thời hạn sử dụng:………………………………………..........……………..........

8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

Các cam kết khác (nếu có).......................................................................................

## Người làm đơn

*(ký và ghi rõ họ tên)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** 2.000381 | | | | |
| **Tên thủ tục: Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất** | | | | |
| **1. Cấp thực hiện:** Cấp huyện | | | | |
| **2. Lĩnh vực: Đất đai** | | | | |
| **3. Trình tự thực hiện:** | | | | |
| **3.1** | **Nộp hồ sơ TTHC** | | | |
| Người xin giao đất, thuê đất lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất gửi đến Phòng Tài nguyên và Môi trường. | | | | |
| ***Cách thức thực hiện:***  - Trường hợp nộp trực tiếp: Người xin giao đất, thuê đất nộp hồ sơ trực tiếp cho Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.  - Trường hợp gửi qua Dịch vụ Bưu chính: Người xin giao đất, thuê đất gửi hồ sơ qua dịch vụ Bưu chính, nhân viên Bưu chính nộp hồ sơ trực tiếp cho Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Người xin giao đất, thuê đất đăng ký/đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử để xác định được người dùng, chứng minh được mối liên hệ người dùng, tính toàn vẹn của văn bản và thực hiện quy trình nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>) theo hướng dẫn. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.  - Qua Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua Dịch vụ bưu chính* | *Gửi trực tuyến* |
| 1 | Đơn xin giao đất, cho thuê đất. | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất (Phòng tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất). | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |
| 3 | Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất. | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |
| *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ | | | | |
| **3.2** | **Tiếp nhận hồ sơ TTHC** | | | |
| *- Hồ sơ tiếp nhận trực tiếp*: Cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ (sau đây gọi chung là cán bộ Một cửa) tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hướng dẫn, hỗ trợ công dân đăng ký, đăng nhập tài khoản, chuẩn bị và nộp hồ sơ điện tử. Trường hợp công dân không có nhu cầu nộp hồ sơ điện tử cán bộ Một cửa thực hiện tiếp nhận phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan), số hoá hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;  Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ Một cửa phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.  Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.  *- Hồ sơ tiếp nhận qua Dịch vụ Bưu chính*: Cán bộ Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan), số hoá hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ Một cửa phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính;  Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.  - *Hồ sơ tiếp nhận trực tuyến*: Cán bộ Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, cán bộ Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ thủ tục hành chính và xử lý hồ sơ theo quy trình. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định, cán bộ Một cửa phải có thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần để công dân bổ sung đầy đủ, chính xác hoặc gửi đúng đến cơ quan có thẩm quyền.  Việc thông báo được thực hiện thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn tới người dân của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. | | | | |
| **3.3** | **Giải quyết, trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC** | | | |
| ***Bước 1:*** Phòng Tài nguyên và môi trường lập hồ sơ, trình UBND cấp huyện: 04 ngày làm việc. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:*Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp huyện | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| Gửi trực tiếp | Gửi liên thông qua HTTTGQ  TTHC |
| 1 | Tờ trình | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Quyết định giao đất, cho thuê đất | Bản dự thảo | Bản điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã thu tại Bộ phận một cửa cấp huyện | Bản chính, bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc Bản số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ | | | | |
| ***Bước 2:*** UBND cấp huyện xem xét, quyết định, trả kết quả đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do: 04 ngày làm việc. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả:* Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp huyện. | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| Gửi trực tiếp | Gửi liên thông qua HTTTGQ  TTHC |
| 1 | Quyết định giao đất (đối với trường hợp giao đất). Quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp thuê đất). | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 03 bản; bản điện tử: 01 bản |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ | | | | |
| ***Bước 3:*** Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển hồ sơ sang cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính: 02 ngày làm việc. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:* Chi cục thuế | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| 1 | Phiếu chuyển thông tin địa chính *(đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật)* | Bản chính văn bản giấy | | 01 |
| 2 | Quyết định cho thuê đất | Bản chính văn bản giấy | | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của khách hàng tại bộ phận một cửa cấp huyện | Bản chính, bản sao hoặc bản được số hoá | | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ | | | | |
| ***Bước 4:*** Cơ quan Thuế kiểm tra gửi thông báo nộp thuế đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 05 ngày làm việc. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:* Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| 1 | Thông báo nộp tiền thuê đất (đối với trường hợp thuê đất), thông báo nộp tiền sử dụng đất (đối với trường hợp giao đất có thu tiền) | Bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử được ký số | | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ | | | | |
| ***Bước 5:*** Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường, trình UBND cấp huyện: 05 ngày làm việc. | | | | |
| ***Bước 6:***Người xin giao đất, thuê đất thực hiện thanh toán tiền phí, lệ phí theo quy định trênHệ thông thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ (http://dichvucong.hagiang.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (http://dichvucong.gov.vn) hoặc thanh toán trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện. | | | | |
| ***Bước 7:*** Sau khi nhận được tiền phí, lệ phí, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện trả kết quả cho công dân. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp: Trường hợp công dân có nhu cầu nhận bản chính văn bản giấy và đến nhận trực tiếp tại Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.  - Qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Trường hợp công dân có nhu cầu nhận bản chính văn bản giấy và nhận kết quả tại nhà qua Dịch vụ Bưu chính công ích. | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| 1 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | Bản gốc văn bản giấy | | 01 |
| 2 | Hợp đồng thuê đất (nếu có) | Bản chính văn bản giấy | | 01 |
| **4** | **Thời hạn giải quyết:**  *1. Theo quy định của pháp luật:*  - Không quá 20 ngày làm việc (không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Không quá 30 ngày làm việc đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.  *2. Theo thực tế tại địa phương:*  - 20 ngày làm việc (không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Không quá 30 ngày làm việc đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. | | | |
| **5** | **Đối tượng thực hiện TTHC:**Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX). | | | |
| **6** | **Cơ quan giải quyết TTHC:**  *- Cơ quan thực hiện:* Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện  *- Cơ quan phối hợp:* Chi cục thuế  *- Cơ quan có thẩm quyền:* Ủy ban nhân dân cấp huyện | | | |
| **7** | **Phí, lệ phí (nếu có):**Theo quy định tại Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. | | | |
| **8** | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):** Không | | | |
| **9** | **Căn cứ pháp lý của TTHC:**  - Luật Đất đai năm 2013;  - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;  - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017;  - Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND, ngày 24/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh;  - Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND, ngày 24/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.  - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. | | | |
| **10** | **Mẫu thành phần hồ sơ:** Có mẫu kèm theo. | | | |

**Mẫu số 01.**

**Đơn xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*..., ngày..... tháng .....năm ....*

# ĐƠN [[5]](#footnote-6)….

***Kính gửi***: Ủy ban nhân dân **[[6]](#footnote-7)** ...................

1. Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất [[7]](#footnote-8) …….....…

2. Địa chỉ/trụ sở chính:.................................................................

3. Địa chỉ liên hệ:.................................................................…..........

4. Địa điểm khu đất:...............................................................................

5. Diện tích (m2):.....................................................................

6. Để sử dụng vào mục đích:[[8]](#footnote-9).................................................................

7. Thời hạn sử dụng:………………………………………..........……

8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

Các cam kết khác (nếu có).....................................................................

## Người làm đơn

*(ký và ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 02.**

**Quyết định giao đất**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

###### UỶ BAN NHÂN DÂN … CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

###### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .... *..., ngày..... tháng .....năm ....*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao đất** ...

**ỦY BAN NHÂN DÂN** ...

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày… tháng …năm …;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của ……được phê duyệt tại Quyết định số ……….. của Ủy ban nhân dân ………;

Xét đề nghị của Sở (Phòng) Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ... ngày…tháng…năm….. ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Giao cho *… (ghi tên và địa chỉ của người được giao đất)* …m2

m22222đất tại xã/phường/thị trấn ..., huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh..., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ... để sử dụng vào mục đích ....

Thời hạn sử dụng đất là ... , kể từ ngày… tháng … năm … ([[9]](#footnote-10))

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số ..., tỷ lệ ... do ... lập ngày … tháng … năm ... và đã được .... thẩm định.

Hình thức giao đất ([[10]](#footnote-11)):……………………………………….

Giá đất, tiền sử dụng đất phải nộp ……….…(đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất).([[11]](#footnote-12))

Những hạn chế về quyền của người sử dụng đất (nếu có): ………....…………

**Điều 2:** Giao …………………….tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho người được giao đất nộp tiền sử dụng đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

2. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;

3. Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;

4. Chỉnh lý hồ sơ địa chính.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân ……….. ... và người được giao đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân………………. chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của ….../.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 03.**

**Quyết định cho thuê đất**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

###### UỶ BAN NHÂN DÂN … CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

###### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .... *..., ngày..... tháng .....năm ....*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cho thuê đất** ...

**ỦY BAN NHÂN DÂN** ...

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày… tháng …năm …;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của ……được phê duyệt tại Quyết định số ……….. của Ủy ban nhân dân ………;

Xét đề nghị của Sở (Phòng) Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ... ngày…tháng…năm….. ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cho *… (ghi tên và địa chỉ của người được thuê đất)* thuê ….m2 đất tại xã/phường/thị trấn ..., huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh..., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ... để sử dụng vào mục đích ....

Thời hạn sử dụng đất là ..., kể từ ngày… tháng … năm …đến ngày… tháng … năm

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số ..., tỷ lệ ... do ... ……lập ngày … tháng … năm ... và đã được .... thẩm định.

Hình thức thuê đất: ([[12]](#footnote-13))....................................................

Giá đất, tiền thuê đất phải nộp ……………………….....

Những hạn chế về quyền của người sử dụng đất (nếu có): ………....…

**Điều 2:** Giao…………………………………………… có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho người được thuê đất nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

2. Ký hợp đồng thuê đất với……………………….

3. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;

4. Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;

5. Chỉnh lý hồ sơ địa chính.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân ………….... và người được thuê đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân ………….. chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của …………….../.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 04.**

**Hợp đồng cho thuê đất**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

###### HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

###### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .... *..., ngày..... tháng .....năm ....*

**HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số………….ngày…tháng …năm…của Ủy ban nhân dân……..về việc cho thuê đất……………..[[13]](#footnote-14)

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ... tại …………………………….,  
chúng tôi gồm:

**I. Bên cho thuê đất:** ……………………………………

**II. Bên thuê đất là:** ......................................................

*(Đối với hộ gia đình thì ghi tên chủ hộ, địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; đối với cá nhân thì ghi tên cá nhân, địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, số chứng minh nhân dân, tài khoản (nếu có); đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, họ tên và chức vụ người đại diện, số tài khoản…..).*

**III. Hai Bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:**

**Điều 1.** Bên cho thuê đất cho Bên thuê đấtthuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất .............. m2*(ghi rõ bằng số và bằng chữ, đơn vị là mét vuông)*

Tại ... *(ghitên xã/phường/thị trấn; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi có đất cho thuê).*

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số ..., tỷ lệ …….. do ... .......lập ngày … tháng … năm ... đã được ... thẩm định.

3. Thời hạn thuê đất ... *(ghi rõ số năm hoặc số tháng thuê đất bằng số và bằng chữ phù hợp với thời hạn thuê đất),* kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

4. Mục đích sử dụng đất thuê:......................................*.*

**Điều 2.** Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất là ... đồng/m2/năm,*(ghi bằng số và bằng chữ).*

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày... tháng ... năm..............................

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: ...................................

4. Nơi nộp tiền thuê đất: ..........................................

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

**Điều 3.** Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này [[14]](#footnote-15).....

**Điều 4.** Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê............................ thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thoả thuận của các Bên (nếu có) [[15]](#footnote-16)

..................................................................................................................

**Điều 5.** Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

**Điều 6.** Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 7.** Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Cam kết khác (nếu có) [[16]](#footnote-17)...............................................

**Điều 8.** Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày……………………………….../.

|  |  |
| --- | --- |
| **Bên thuê đất**  *(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu (nếu có)* | **Bên cho thuê đất**  *(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC 01**

**MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG***(Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Mức thu lệ phí** | | |
| **Hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc TPHG** | **Hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác** | **Các tổ chức** |
| **I** | **Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất** | | | | |
| 1 | Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất | đồng/1 giấy | 120.000 | 60.000 | 600.000 |
| 2 | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*không có nhà ở và tài sản gắn liền với đất)* | đồng/1 giấy | 30.000 | 15.000 | 150.000 |
| 3 | Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất | đồng/1 giấy | 90.000 | 40.000 | 450.000 |
| **II** | **Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận** | đồng/1 giấy | Bằng 50% mức lệ phí cấp mới | | Bằng 10% mức lệ phí cấp mới |
| **IV** | **Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai** | đồng/lần | 30.000 | 15.000 | 40.000 |
| **V** | **Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính** | đồng/lần | 20.000 | 10.000 | 40.000 |

**PHỤ LỤC 02**

**MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**  
*(Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang)*

*Đơn vị tính: Đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung thu phí** | **Mức thu** |
| **I** | **Giao đất, công nhận quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh và trụ sở làm việc** |  |
| 1 | Diện tích từ 1000 m2 trở xuống | 200.000 |
| 2 | Diện tích trên 1.000 đến 10.000 m2 | 400.000 |
| 3 | Diện tích trên 10.000 đến 50.000 m2 | 1.000.000 |
| 4 | Diện tích trên 50.000 đến 150.000 m2 | 2.000.000 |
| 5 | Diện tích trên 150.000 m2 | 4.000.000 |
| **II** | **Giao đất, công nhận quyền sử dụng đất ở các hộ gia đình có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đơn lẻ, chuyển quyền sử dụng đất** |  |
| 1 | Đối với các phường của Thành phố Hà Giang, các thị trấn và các xã nơi UBND huyện đóng trụ sở | 100.000 |
| 2 | Đối với khu vực các xã còn lại | 70.000 |
| **III** | **Cấp đổi, cấp lại và xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** | Mức thu được tính như mức thu cấp lần đầu |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** 1.000798 | | | | | | |
| **Tên thủ tục: Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình** | | | | | | |
| **1. Cấp thực hiện:** Cấp huyện | | | | | | |
| **2. Lĩnh vực:** Đất đai | | | | | | |
| **3. Trình tự thực hiện:** | | | | | | |
| **3.1** | **Nộp hồ sơ TTHC** | | | | | |
| Người sử dụng đất nộp đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất gửi đến Phòng Tài nguyên và Môi trường. | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*  - Trường hợp nộp trực tiếp: Người sử dụng đất nộp hồ sơ trực tiếp cho Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.  - Trường hợp gửi qua Dịch vụ Bưu chính: Người sử dụng đất gửi hồ sơ qua dịch vụ Bưu chính, nhân viên Bưu chính nộp hồ sơ trực tiếp đến Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Người sử dụng đất đăng ký/đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử để xác định được người dùng, chứng minh được mối liên hệ người dùng, tính toàn vẹn của văn bản và thực hiện quy trình nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>) theo hướng dẫn. | | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính: Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp huyện.  - Qua Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh ([dichvucong.hagiang.gov.vn](https://dichvucong.hagiang.gov.vn)). | | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua Dịch vụ bưu chính* | *Gửi trực tuyến* | | |
| 1 | Đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất. | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | | 01 |
| 2 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | | | |
| **3.2** | **Tiếp nhận hồ sơ TTHC** | | | | | |
| *- Hồ sơ tiếp nhận trực tiếp:* Cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ *(sau đây gọi chung là cán bộ Một cửa)* tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hướng dẫn, hỗ trợ công dân đăng ký, đăng nhập tài khoản, chuẩn bị và nộp hồ sơ điện tử. Trường hợp công dân không có nhu cầu nộp hồ sơ điện tử cán bộ Một cửa thực hiện tiếp nhận phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan), số hoá hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;  Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ Một cửa phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.  Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.  *- Hồ sơ tiếp nhận qua Dịch vụ Bưu chính*: Cán bộ Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan), số hoá hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ Một cửa phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính;  Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.  *- Hồ sơ tiếp nhận trực tuyến:* Cán bộ Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, cán bộ Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ thủ tục hành chính và xử lý hồ sơ theo quy trình. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định, cán bộ Một cửa phải có thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần để công dân bổ sung đầy đủ, chính xác hoặc gửi đúng đến cơ quan có thẩm quyền.  Việc thông báo được thực hiện thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn tới người dân của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. | | | | | | |
| **3.3** | **Giải quyết, trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC** | | | | | |
| ***Bước 1:*** Phòng Tài nguyên và môi trường lập hồ sơ, trình UBND cấp huyện: 03 ngày làm việc. | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. | | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp:* Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp huyện. | | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | | **Số lượng** |
| Gửi trực tiếp | Gửi liên thông qua HTTTGQ  TTHC | | |
| 1 | Tờ trình chuyển mục đích sử dụng đất | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | | 01 |
| 2 | Dự thảo Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất | Bản dự thảo | Bản dự thảo | | | 01 |
| 3 | Hồ sơ tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp huyện | Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao | Bản số hoá hoặc bản điện tử được ký số. | | | 01 |
| *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ | | | | | | |
| ***Bước 2:*** UBND cấp huyện xem xét, quyết định, trả kết quả đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do: 03 ngày làm việc. | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. | | | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả:* Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp huyện | | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | **Số lượng** | |
| Gửi trực tiếp | Gửi liên thông qua HTTTGQ  TTHC | |
| 1 | Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | Bản giấy: 03 bản; bản điện tử: 01 bản | |
| ***Bước 3:*** Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển hồ sơ sang cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính: 02 ngày làm việc. | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI. | | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:*Chi cục thuế | | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | **Số lượng** | |
| Gửi trực tiếp | Gửi trực tuyến | |
| 1 | Phiếu chuyển thông tin địa chính *(đối với trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật)* | Bản chính văn bản giấy |  | | 01 | |
| 2 | Hồ sơ đã tiếp nhận của khách hàng tại bộ phận một cửa cấp huyện | Bản chính văn bản giấy |  | | 01 | |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ | | | | | | |
| ***Bước 4:*** Cơ quan Thuế kiểm tra gửi thông báo nộp thuế đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: 04 ngày làm việc. | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ BCCI hoặc trực tuyến. | | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:* Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện. | | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | **Số lượng** | |
| Gửi trực tiếp | Gửi trực tuyến | |
| 1 | Thông báo nộp thuế | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 | |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ | | | | | | |
| ***Bước 5:*** Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường, trình UBND cấp huyện ký hợp đồng thuê đất (trường hợp thuê đất) và ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trả kết quả cho công dân: 03 ngày làm việc. | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. | | | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp: Trường hợp công dân có nhu cầu nhận bản chính văn bản giấy và đến nhận trực tiếp tại Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.  - Qua Dịch vụ Bưu chính: Trường hợp công dân có nhu cầu nhận bản chính và bản gốc văn bản giấy và nhận kết quả tại nhà qua Dịch vụ Bưu chính. | | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** | | |
| 1 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ký | Bản gốc văn bản giấy | | 01 | | |
| 2 | Hợp đồng thuê đất (nếu có) | Bản chính văn bản giấy | | 02 | | |
| **4** | **Thời hạn giải quyết:**  *- Theo quy định của pháp luật:*  + Không quá 15 ngày làm việc (không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  + Không quá 25 ngày làm việc đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế  -  xã hội khó khăn.  *- Theo thực tế tại địa phương:*  + 15 ngày làm việc (không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  + Không quá 25 ngày làm việc đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế  -  xã hội khó khăn. | | | | | |
| **5** | **Đối tượng thực hiện TTHC:** Công dân Việt Nam | | | | | |
| **6** | **Cơ quan giải quyết TTHC:**  - *Cơ quan thực hiện*: Phòng Tài nguyên và Môi trường; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai;  - *Cơ quan phối hợp*: Cơ quan thuế  - *Cơ quan có thẩm quyền*: Uỷ ban nhân dân cấp huyện. | | | | | |
| **7** | **Phí, lệ phí (nếu có):** Theo Phụ lục 01, 02 kèm theo | | | | | |
| **8** | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không** | | | | | |
| **9** | **Căn cứ pháp lý của TTHC:**  - Luật Đất đai năm 2013;  - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;  - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;   - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017;  - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND, ngày 24/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh;  - Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND, ngày 24/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.  - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. | | | | | |
| **10** | **Mẫu thành phần hồ sơ:** Có mẫu kèm theo. | | | | | |

**Mẫusố 01.**

**Đơn xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*..., ngày..... tháng .....năm ....*

# ĐƠN [[17]](#footnote-18)….

***Kính gửi***: Ủy ban nhân dân **[[18]](#footnote-19)** ...................

1. Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất [[19]](#footnote-20) ………

2. Địa chỉ/trụ sở chính:.............................................................

3. Địa chỉ liên hệ:.................................................….................……………

4. Địa điểm khu đất:......................................................................................

5. Diện tích (m2):..........................................................................................

6. Để sử dụng vào mục đích:[[20]](#footnote-21)............................................................................

7. Thời hạn sử dụng:………………… ………………..........………………….

8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

Các cam kết khác (nếu có)....................................................................................

## Người làm đơn

*(ký và ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 05.**

**Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

###### UỶ BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

###### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .... *..., ngày..... tháng .....năm ....*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất**

**UỶ BAN NHÂN DÂN …………….**

## Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày… tháng …năm …;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của ……được phê duyệt tại Quyết định số ……….. của Ủy ban nhân dân ………;

Xét đề nghị của Sở (Phòng) Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ... ngày…tháng…năm….. ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Cho phép *… (ghi tên và địa chỉ của người được giao đất)* …được chuyển mục đích sử dụng đất tại xã/phường/thị trấn ..., huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh……., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương …... để sử dụng vào mục đích ....

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số ..., tỷ lệ ... do ... …………lập ngày … tháng … năm ...và đã được ... thẩm định.

Thời hạn sử dụng đất:............................................

Giá đất tính tiền sử dụng đất/tiền thuê đất phải nộp:[[21]](#footnote-22)………………

Hạn chế trong việc sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất……

**Điều 2:** Giao……………………………………………….có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Hướng dẫn……..người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;

2. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;

3. Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định;

4. Chỉnh lý hồ sơ địa chính.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày…tháng… năm…

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân ……., ... và người được sử dụng đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận* TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**PHỤ LỤC 01**

**MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG***(Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Mức thu lệ phí** | | |
| **Hộ gia đình, cá nhân tại phường thuộc TPHG** | **Hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác** | **Các tổ chức** |
| **I** | **Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất** | | | | |
| 1 | Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất | đồng/1 giấy | 120.000 | 60.000 | 600.000 |
| 2 | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*không có nhà ở và tài sản gắn liền với đất)* | đồng/1 giấy | 30.000 | 15.000 | 150.000 |
| 3 | Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất | đồng/1 giấy | 90.000 | 40.000 | 450.000 |
| **II** | **Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận** | đồng/1 giấy | Bằng 50% mức lệ phí cấp mới | | Bằng 10% mức lệ phí cấp mới |
| **IV** | **Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai** | đồng/lần | 30.000 | 15.000 | 40.000 |
| **V** | **Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính** | đồng/lần | 20.000 | 10.000 | 40.000 |

**PHỤ LỤC 02**

**MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**  
*(Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang)*

*Đơn vị tính: Đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung thu phí** | **Mức thu** |
| **I** | **Giao đất, công nhận quyền sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh và trụ sở làm việc** |  |
| 1 | Diện tích từ 1000 m2 trở xuống | 200.000 |
| 2 | Diện tích trên 1.000 đến 10.000 m2 | 400.000 |
| 3 | Diện tích trên 10.000 đến 50.000 m2 | 1.000.000 |
| 4 | Diện tích trên 50.000 đến 150.000 m2 | 2.000.000 |
| 5 | Diện tích trên 150.000 m2 | 4.000.000 |
| **II** | **Giao đất, công nhận quyền sử dụng đất ở các hộ gia đình có nhu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đơn lẻ, chuyển quyền sử dụng đất** |  |
| 1 | Đối với các phường của Thành phố Hà Giang, các thị trấn và các xã nơi UBND huyện đóng trụ sở | 100.000 |
| 2 | Đối với khu vực các xã còn lại | 70.000 |
| **III** | **Cấp đổi, cấp lại và xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** | Mức thu được tính như mức thu cấp lần đầu |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** 1.003572 | | | | |
| **Tên thủ tục: Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân** | | | | |
| **1. Cấp thực hiện:** Cấp huyện | | | | |
| **2. Lĩnh vực:** Đất đai. | | | | |
| **3. Trình tự thực hiện:** | | | | |
| **3.1** | **Nộp hồ sơ TTHC** | | | |
| Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hà Giang được lựa chọn nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND TP Hà Giang hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã. Đối với hộ gia đình, cá nhân của các huyện còn lại nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc của UBND cấp xã. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.  - Trường hợp nộp trực tiếp: Hộ gia đình, cá nhântrên địa bàn thành phố Hà Giang nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND TP Hà Giang hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã. Đối với hộ gia đình, cá nhâncủa các huyện còn lại nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc của UBND cấp xã.  - Trường hợp gửi qua dịch vụ bưu chính: Hộ gia đình, cá nhântrên địa bàn thành phố Hà Giang gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, nhân viên bưu chính nộp hồ sơ trực tiếp cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND TP Hà Giang hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã. Đối với hộ gia đình, cá nhân của các huyện còn lại gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, nhân viên bưu chính nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc của UBND cấp xã. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ*:  - Địa bàn thành phố Hà Giang: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố Hà Giang hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.  - Đối với các huyện còn lại: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc của UBND cấp xã. | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DV bưu chính* | *Gửi trực tuyến* |
| **C1) Trường hợp không thực hiện cấp đổi đồng loạt:** | | | | |
| 1 | Đơn đề nghịcấp đổi Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK | Bản chính văn bản giấy |  |  |
| 2 | Giấy chứng nhận đã cấp; | Bản gốc |  |  |
| 3 | Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thay cho bản gốc Giấy chứng nhậnđã cấp đối với trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận sau khi dồn điền đổi thửa, đo đạc lập bản đồ địa chính mà Giấy chứng nhậnđã cấp đang thế chấp tại tổ chức tín dụng. | Bản sao |  |  |
| **C2) Trường hợp thực hiện cấp đổi đồng loạt:** | | | | |
| 1 | Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận theo Mẫu số 10/ĐK của từng hộ gia đình, cá nhân | Bản chính văn bản giấy |  |  |
| 2 | Giấy chứng nhậnđã cấp hoặc bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với trường hợp đất đang thế chấp tại tổ chức tín dụng | Bản gốc |  |  |
| 3 | Văn bản thỏa thuận về việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân | Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao |  |  |
| 4 | Phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã đã được Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phê duyệt | Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao |  |  |
| 5 | Biên bản giao nhận ruộng đất theo phương án “dồn điền đổi thửa” (nếu có). | Bản sao |  |  |
| *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ. | | | | |
| **3.2** | **Tiếp nhận hồ sơ TTHC** | | | |
| Cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ *(sau đây gọi chung là Cán bộ một cửa)* tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc của UBND cấp xã phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan), số hoá hồ sơ và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.  Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;  Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ Một cửa phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.  Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ Một cửa tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. | | | | |
| **3.3** | **Giải quyết, trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC** | | | |
| **(1). Trường hợp thực hiện cấp đổi đồng loạt theo chủ trương “dồn điền đổi thửa”:**  - Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp tự thoả thuận với nhau bằng văn bản về việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp.  - Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp chung cho toàn xã, phường, thị trấn (bao gồm cả tiến độ thời gian thực hiện chuyển đổi) và gửi phương án đến Phòng Tài nguyên và Môi trường.  - Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra phương án trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cho các hộ gia đình, cá nhân chuyển đổi ruộng đất theo phương án được duyệt.  - Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo thực hiện việc đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính.  **(2).**Văn phòng đăng ký đất đaicó trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thực hiện các quyền theo quy định thì thực hiện các công việc sau đây:  **-** Xác nhận vào đơn đề nghị về lý do cấp đổi Giấy chứng nhận;  - Lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;  - Cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;  - Trao Giấy chứng nhận cho người được cấp hoặc gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để trao đối với trường hợp nộp hồ sơ tại cấp xã.  - Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận sau khi dồn điền đổi thửa, đo đạc lập bản đồ địa chính mà Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp tại tổ chức tín dụng thì người sử dụng đất nộp bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thay cho Giấy chứng nhận đã cấp để làm thủ tục cấp đổi giấy mới.  Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm thông báo danh sách các trường hợp làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận cho tổ chức tín dụng nơi nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xác nhận việc đăng ký thế chấp vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi được cơ quan có thẩm quyền ký cấp đổi.  Việc trao Giấy chứng nhận được thực hiện đồng thời giữa ba bên gồm Văn phòng đăng ký đất đai, người sử dụng đất và tổ chức tín dụng theo quy định như sau:  + Người sử dụng đất ký, nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mới từ Văn phòng đăng ký đất đai để trao cho tổ chức tín dụng nơi đang nhận thế chấp;  + Tổ chức tín dụng có trách nhiệm trao Giấy chứng nhận cũ đang thế chấp cho Văn phòng đăng ký đất đai để quản lý. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp: Trường hợp công dân có nhu cầu nhận bản gốc và đến nhận trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, TP hoặc UBND cấp xã.  - Qua Dịch vụ Bưu chính: Trường hợp công dân có nhu cầu nhận bản gốc và nhận kết quả tại nhà qua Dịch vụ Bưu chính. | | | | |
| *Kết quả thực hiện:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua DV bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Ghi vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý |  |  |  |
| 2 | Giấy chứng nhận | Bản gốc |  |  |
| **4** | **Thời hạn giải quyết**  *- Theo quy định của pháp luật*: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;  *- Theo thực tế tại địa phương*: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;  Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. | | | |
| **5** | **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**  Hộ gia đình, cá nhân. | | | |
| **6** | **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**  *- Cơ quan thực hiện*: Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.  *- Cơ quan phối hợp*: Ủy ban nhân dân cấp xã.  *- Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Sở Tài nguyên và Môi trường. | | | |
| **7** | **Phí, lệ phí**: Lệ phí thu theo quy định tại Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang.  \* Hộ gia đình, cá nhân:  - Cấp đổi Giấy chứng nhận: Bằng 50% mức lệ phí cấp mới.  - Chứng nhận đăng ký biến động đất đai  + Tại các phường: 30.000 đồng/giấy;  + Tại các khu vực còn lại: 15.000 đồng/giấy.  - Trích lục bản đồ địa chính:  + Tại các phường: 20.000 đồng/tờ;  + Tại các khu vực còn lại: 10.000 đồng/tờ.  \* Đối tượng miễn nộp lệ phí: Hộ gia đình cá nhân cư trú tại nông thôn thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo do Thủ tướng Chính phủ quy định. | | | |
| **8** | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Thửa đất nông nghiệp chuyển đổi phải trong cùng một xã, phường, thị trấn. | | | |
| **9** | **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**  - Luật Đất đai 2013 ngày 29 tháng 11 năm 2013;  - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;  - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.  - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;  - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;  - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;  - Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND, ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định về việc phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang. | | | |
| **10** | **Mẫu thành phần hồ sơ:** Có mẫu kèm theo. | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | | | | | **Mẫu số 10/ĐK** | | |
|  |  |  |
| **PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ**  Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.  Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:.......Quyển....  *Ngày…... / ...… / .......…*  **Người nhận hồ sơ**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* | | |
|  | | | | | |
| **ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬNQUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ ỞVÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT** | | | | | |
|  | | | | | |
| Kính gửi: ............................................................................ | | | | | |
|  | | | | | |
| **I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ**  *(Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xoá, sửa chữa trên đơn)* | | | | | | | | |
| **1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất**  1.1. Tên *(viết chữ in hoa):* .......................................................................  1.2. Địa chỉ(1): …………………………………………………………….. | | | | | | | | |
| **2. Giấy chứng nhận đã cấp đề nghị được cấp lại, cấp đổi**  2.1. Số vào sổ cấp GCN:……….………; 2.2. Số phát hành GCN:………….…..…;  2.3. Ngày cấp GCN: …… / …… / …… | | | | | | | | |
| **3.Lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận:** .........................  …………………………………………….………………………………….…… | | | | | | | | |
| **4. Thông tin thửa đất có thay đổi do đo đạc lại** *(kê khai theo bản đồ địa chính mới)* | | | | | | | | |
| Tờ bản đồ số | Thửa đất số | Diện tích (m2) | | | Nội dung thay đổi khác | | | |
|  |  |  | | |  | | | |
|  |  |  | | |  | | | |
|  |  |  | | |  | | | |
|  |  |  | | |  | | | |
| 4.1. Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp:  - Thửa đất số: …………………..……;  - Tờ bản đồ số: …………………….;  - Diện tích: ………...……................ m2  - ………………………….…….………  - ………………………….….………… | | | 4.2. Thông tin thửa đất mới thay đổi:  - Thửa đất số: ……………….;  - Tờ bản đồ số: ….......……....;  - Diện tích: …….………......... m2  - …………………………….....  - …………………………….…. | | | | | |
| **5. Thông tin tài sản gắn liền với đất đã cấp GCN có thay đổi** *(kê khai theo thông tin đã thay đổi - nếu có)* | | | | | | | | |
| Loại tài sản | | Nội dung thay đổi | | | | | | |
|  | |  | | | | | | |
|  | |  | | | | | | |
|  | |  | | | | | | |
| 5.1. Thông tin trên GCN đã cấp:  - Loại tài sản: ………………………;  - Diện tích XD (chiếm đất): ........... m2;  - | | | | 5.2. Thông tin có thay đổi:  - Loại tài sản: ……….…………;  - Diện tích XD (chiếm đất): .... m2;  -....................................................... | | | | |
| **6. Những giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo**  - Giấy chứng nhận đã cấp;  …………………………………………….……………………………………………………………...…………………………………………….……………………………………………………………...…………………………………………….……………………………………………………………...…………………………………………….…………………………………………………… | | | | | | | | |

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*……………, ngày* ...... *tháng* …... năm.......

**Người viết đơn**

*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*

|  |  |
| --- | --- |
| **II. XÁC NHẬN CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**  *(Đối với trường hợp cấp đổi GCN do đo vẽ lại bản đồ địa chính)* | |
| Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay:…….…  …..……………………………………….…………………………………………… | |
| *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Công chức địa chính**  *(Ký, ghi rõ họ, tên)* | *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **TM. Uỷ ban nhân dân**  **Chủ tịch**  *(Ký tên, đóng dấu)* |
| **III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI** | |
| …………………………………………….…………………………………………………………………………………………………...…………………………………………….…………………………………………………………...  *(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; lý do ).* | |
| *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Người kiểm tra**  *(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)* | *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Giám đốc**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

*(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp. Trường hợp có thay đổi thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.*

**2. Lĩnh vực môi trường**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC gốc** | **Tên thủ tục hành chính** |
| **Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện** | | |
| **Lĩnh vực: Môi trường** | | |
| 1 | 1.010723 | Cấp giấy phép môi trường |
| 2 | 1.010724 | Cấp đổi giấy phép môi trường |
| 3 | 1.010725 | Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường |
| 4 | 1.010726 | Cấp lại giấy phép môi trường |

**2. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** 1.010723 | | | | | |
| **Tên thủ tục:** Cấp giấy phép môi trường | | | | | |
| **1. Cấp thực hiện:** Cấp huyện. | | | | | |
| **2. Lĩnh vực:** Môi trường | | | | | |
| **3. Trình tự thực hiện:** | | | | | |
| **3.1** | **Gửi (nộp) hồ sơ TTHC** | | | | |
| Chủ dự án đầu tư, cơ sở (khách hàng) nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trườngđến Phòng Tài nguyên và Môi trường. | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.  Thực hiện thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (bắt buộc) đối với các trường hợp sau:  - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;  - Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:*  - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính (Bộ phận một cửa) huyện.  - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ (dvchvx.hagiang.gov.vn). | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi trực tuyến* | |
| 1 | Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở(mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 2 | Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:  *+* Trường hợp dự án đầu tư nhóm III:mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP*;*  *+* Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III:mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 3 | Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường). | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| *Số bộ hồ sơ:* 01 bộ | | | | | |
| **3.2** | **Giải quyết hồ sơ TTHC** | | | | |
| ***Bước 1:*** Phòng Tài nguyên và Môi trườngtiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân (khách hàng), kiểm tra, yêu cầu khách hàng thanh toán phí thẩm định theo quy định; thẩm định; thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, rà soát nội dung chỉnh sửa, bổ sung (nếu có); trình UBND huyện, thành phố trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép:  - Trong thời hạn12ngày làm việckể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp, gồm:(1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;(2) Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.  - Trong thời hạn 25 ngày làm việckể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp còn lại. | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI*: Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp huyện. | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | **Số lượng** |
| Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI | Gửi liên thông qua HTTTGQ  TTHC | |
| 1 | Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 2 | Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở | Bản sao | Bản sao can | | 01 |
| 3 | Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở | Bản sao | Bản sao can | | 01 |
| 4 | Quyết định thành lập tổ thẩm định, tổ kiểm tratheo quy định | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 5 | Biên bản thẩm định, kiểm tra, khảo sát thực tế của tổ thẩm định hoặc tổ kiểm tra theo quy định(nếu có) | Bản sao | Bản sao can | | 01 |
| 6 | Phiếu thẩm định của tổ thẩm định theo quy định (nếu có) | Bản sao | Bản sao can | | 01 |
| 7 | Văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức, chuyên gia được tham vấn trong quá trình cấp giấy phéptheo quy định (nếu có) | Bản sao | Bản sao can | | 01 |
| 8 | Văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung (nếu có) | Bản chính vănbản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 9 | Văn bản giải trình chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án (nếu có) | Bản sao | Bản sao can | | 01 |
| *Số bộ hồ sơ:01 bộ* | | | | | |
| ***Bước 2:*** UBND cấp huyện xem xét, cấp Giấy phép môi trường cho tổ chức, cá nhân đề nghị; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường để trả cho khách hàng:  - Trong thời hạn 03 ngày làm việcđối với các trường hợp, gồm:(1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;(2) Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.  - Trong thời hạn 05 ngày làm việcđối với các trường hợp còn lại. | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*Trực tiếphoặc qua dịch vụ BCCI hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính huyện. | | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quảtrực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI*:Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC cấp huyện. | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | **Số lượng** |
| Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI | Gửi liên thông qua HTTTGQ  TTHC | |
| 1 | Giấy phép môi trường(mẫu số 40 Phụ lục IIphần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 02 (bản giấy); bản điện tử: 01 bản |
| 2 | Văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường. | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| ***Bước 3:*** Phòng Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho khách hàng theo quy định. | | | | | |
| *Cách thức trả kết quả:*Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI hoặc dịch vụ công trực tuyến. | | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.  - Qua địa chỉ hòm thư điện tửđã đăng ký trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (dvchvx.hagiang.gov.vn). | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | **Số lượng** |
| Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI | Trả trực tuyến | |
| 1 | Giấy phép môi trường(mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 2 | Văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường. | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| **4** | **Thời hạn giải quyết:**  *- Theo quy định của pháp luật:*  + Tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó, thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp, gồm:(1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;(2) Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;  + Tối đa 30 ngày làm việckể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó, thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)đối với các trường hợp còn lại.  *- Theo thực tế tại địa phương:*  + 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp, gồm:(1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;(2) Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;  + 30 ngày làm việckể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp còn lại. | | | | |
| **5** | **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. | | | | |
| **6** | **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**  *- Cơ quan thực hiện:* Phòng Tài nguyên và Môi trường.  *- Cơ quan phối hợp:* Các phòng, ban liên quan và UBND các xã, thị trấn (nơi thực hiện dự án).  *- Cơ quan có thẩm quyền:* UBND cấp huyện. | | | | |
| **7** | **Phí, lệ phí (nếu có):**Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang. | | | | |
| **8** | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**  - Dự án đầu tư nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức;  - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng nêu trên. | | | | |
| **9** | **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**  - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;  - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bốthủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửađổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏtrong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý củaBộ Tài nguyên và Môi trường. | | | | |
| **10** | **Mẫu thành phần hồ sơ:** | | | | |
| Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) | | |  | |
| Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP | | |  | |
| Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. | | |  | |

**Phụ lục XIII**

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP ĐIỀU CHỈNH, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ**

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  \_\_\_\_\_  Số: …..  V/v Đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Địa danh, ngày ... tháng ... năm……* |

Kính gửi: (3)……….

1. Chúng tôi là: (1), Chủ đầu tư dự án, cơ sở (2) thuộc mục số ... Phụ lục...ban hành kèm theo Nghị định số .../…/NĐ-CP ngày .... tháng .... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dự án, cơ sở (2) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (3).

- Dự án, cơ sở (2) đã được (3) cấp Giấy phép môi trường số: …./GPMT- ngày.... tháng....năm….. *(chỉ nêu trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường, trừ trường hợp cấp điều chỉnh quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường).*

2. Địa chỉ trụ sở chính của (1):

3. Địa điểm thực hiện dự án, cơ sở (2):

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: ngày của (1) hoặc các giấy tờ tương đương.

4. Người đại diện theo pháp luật của (1): Chức vụ:

- Điện thoại: ; Fax: ; E-mail:

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục: …………………. Chức vụ:

Điện thoại: ……………………………………; Email:

Trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường thì nêu bổ sung mục 6 dưới đây:

6. Nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường:

Phần này nêu rõ nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường so với giấy phép môi trường đã được cấp, lý do đề nghị cấp điều chỉnh.

Chúng tôi xin gửi đến (3) hồ sơ gồm (trừ trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường):

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2);

- 01 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án (2) (chỉ gửi trong trường hợp dự án (2) không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường);

- 01 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản tương đương với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả hồ sơ kèm theo văn bản tương đương) có nội dung nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (Chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở có đề nghị nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất).

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - Như trên;  - …..  - Lưu: ... | ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ...(1)...  *(Ký, ghi rõ họ tên;chức vụ và đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** (1) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2).

Biểu mẫu này không áp dụng cho trường hợp cấp điều chỉnh giấy phép môi trường quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo.

|  |
| --- |
| Cơ quan cấp trên của chủ dự án đầu tư  (1)  BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  của dự án đầu tư (2)  CHỦ Dự ÁN ĐẦU TƯ (\*)  *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*  *Địa danh (\*\*), tháng ... năm ...* |

*Ghi chú:* (1) Tên cơ quan chủ quản dự án đầu tư; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư; (\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi thực hiện dự án đầu tư hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án đầu tư.

2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư:

- Địa chỉ văn phòng:

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:

- Điện thoại: ..........................; Fax: ......................; E-mail: .......................

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: .........ngày ...........của chủ dựán đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương.

2. Tên dự án đầu tư:

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật vềđầu tư công): ............................................

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư: .......................................

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư: .......................................

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có):

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

*Ghi chú:* Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình cấp giấy phép môi trường nhưng không cộ thay đổi, chủ dự án không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi.

Chương III

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật: Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án, trong đó làm rõ:

- Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án;

- Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án (nếu có).

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

- Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải: hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải; chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước: diễn biến dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất trong năm, lưu lượng dòng chảy kiệt nhất trong năm, chế độ thủy triều, hải văn.

- Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận và kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

- Đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có): Tên, địa chỉ, số điện thoại.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:

Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án được thực hiện ít nhất là 03 đợt khảo sát. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường. Tổng hợp kết quả để làm rõ sự phù hợp của địa điểm lựa chọn với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

Chương IV

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải: Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có).

1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Mô tả quy mô, vị trí của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: Các công trình giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

- Thuyết minh về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải dự kiến xây dựng hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý; CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý nước thải, kèm theo bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước (sau đây gọi tắt là bản vẽ thiết kế, đính kèm tại Phụ lục của báo cáo);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có). CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có);

- Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).

2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý bụi, khí thải, kèm theo bản vẽ thiết kế (đính kèm tại Phụ lục báo cáo);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có);

- Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):

- Dự báo về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành; chất thải nguy hại phát sinh (kg/năm và kg/tháng);

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình lưu giữ, xử lý chất thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình lưu giữ, xử lý chất thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (đính kèm tại Phụ lục báo cáo);

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn khác (nếu có).

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường:

- Mô tả chi tiết các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án;

- Mô tả các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khác (nếu có).

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

- Mô tả chi tiết các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).

2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có).

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.

- Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

- Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án đầu tư. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan.

**Chương V**

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

...................

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi dự án).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi dự án.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

.......................

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án đầu tư, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả dự án đầu tư tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải (lấy mẫu tổ hợp và mẫu đơn); thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông sốgiám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Quan trắc nước thải: thông số quan trắc, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: số lượng, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ dự án đầu tư về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quanPHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;

- Bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc bản vẽ thiết kế thi công các công trình bảo vệ môi trường, kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải;

- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);

- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường ít nhất là 03 đợt khảo sát;

- Phiếu kiểm định, hiệu chuẩn của cơ quan, tổ chức có chức năng đối với các thiết bị quan trắc tự động, liên tục chất thải đã được lắp đặt (nếu có);

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

- Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

***Ghi chú:*** Trường hợp cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư quy định tại điểm b và điểm d khoản 4 Điều 30 Nghị định này, báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường chỉ thể hiện các nội dung thay đổi so với nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trước đó.

**Phụ lục XII**

**MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ĐANG HOẠT ĐỘNG CÓ TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI DỰ ÁN NHÓM III***(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_*

1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo.

|  |
| --- |
| Cơ quan cấp trên của chủ cơ sở  (1)    BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  của cơ sở (2)  **CHỦ CƠ SỞ (\*)**  *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*  *Địa danh (\*\*), tháng ... năm ...* |

***Ghi chú:*** (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ sở; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của cơ sở; (\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi cơ sở hoạt động hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ cơ sở.

**2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở.**

**MỤC LỤC**

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ**

**Chương I**

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Địa chỉ văn phòng:

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

- Điện thoại: ; Fax: ; E-mail:

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: ngày của cơ sở hoặc các giấy tờ tương đương.

2. Tên cơ sở:

- Địa điểm cơ sở:

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):

**Chương II**

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG

CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

***Ghi chú:*** Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình cấp giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi, chủ cơ sở không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi.

**Chương III**

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO

VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Mô tả chi tiết thông sốkỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của công trình thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa;

- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước mưa khác (nếu có).

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Công trình thu gom nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải sinh hoạt, công nghiệp từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý nước thải;

- Công trình thoát nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài, ...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải;

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí xả nước thải; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đấu nối nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải. Trường hợp nguồn tiếp nhận nước thải là công trình thủy lợi thì nêu rõ tên công trình thủy lợi, cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi; việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với công trình thủy lợi;

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên;

- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước thải khác (nếu có).

1.3. Xử lý nước thải:

- Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của từng công trình; quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;

- Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):

Đối với từng công trình xử lý bụi, khí thải cần làm rõ:

- Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng công trình thu gom khí thải từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý khí thải;

- Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của công trình (xử lý bụi, khí thải cho công đoạn hoặc dây chuyền sản xuất nào của cơ sở); quy mô, công suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất cho quá trình vận hành công trình; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;

- Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải.

- Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành.

- Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung phải nêu rõ các công trình, thiết bị, phương tiện thu gom phục vụ cho xử lý chất thải rắn.

- Báo cáo về chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường,...) phát sinh tại cơ sở;

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác (nếu có).

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải nguy hại, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản nhằm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh tại cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành;

- Đối với cơ sở xử lý chất thải nguy hại phải nêu rõ: hệ thống, công trình, thiết bị lưu giữ, vận chuyển, trung chuyển, sơ chế, xử lý chất thải nguy hại;

- Báo cáo về chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở (kg/năm và kg/tháng);

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại khác (nếu có).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Mô tả chi tiết các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

-Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Mô tả các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Mô tả các biện pháp bảo vệ môi trường khác áp dụng đối với cơ sở.

**Chương IV**

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

…………

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi cơ sở).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi cơ sở.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

…………………

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.

-Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường)

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

**Chương V**

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ trong 01 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất, trong đó phải nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc bụi, khí thải định kỳ trong 01 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất, trong đó phải nêu rõ quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định):

Lập bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải, bụi, khí thải trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

**Chương VI**

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có trong trường hợp đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường) và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả cơ sở tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải: Việc đánh giá phải được thực hiện cho từng công đoạn xử lý và toàn bộ hệ thống xử lý (lấy mẫu tổ hợp), trường hợp công trình, thiết bị xử lý hợp khối hoặc công trình xử lý chất thải quy mô nhỏ chỉ thực hiện lấy mẫu đơn để quan trắc; thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Quan trắc nước thải: thông số quan trắc, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: số lượng, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

**Chương VII  
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Phần này nêu rõ các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo và đính kèm các quyết định, kết luận kiểm tra, thanh tra (nếu có). Trường hợp có vi phạm về bảo vệ môi trường thì nêu rõ việc khắc phục vi phạm.

Chương VIII  
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ cơ sở về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;

- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật;

- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);

- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở (nếu có);

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

- Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;

- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (nếu có); các giấy phép môi trường thành phần (nếu có).

***Ghi chú:*** Trường hợp cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định này, báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường không thể hiện nội dung quy định tại Chương I và Chương III Biểu mẫu này.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** 1.010724 | | | | | | | |
| **Tên thủ tục:** Cấp đổi giấy phép môi trường | | | | | | | |
| **1. Cấp thực hiện:** Cấp huyện. | | | | | | | |
| **2. Lĩnh vực:** Môi trường | | | | | | | |
| **3. Trình tự thực hiện:** | | | | | | | |
| **3.1** | **Gửi (nộp) hồ sơ TTHC** | | | | | | |
| Chủ dự án đầu tư, cơ sở (khách hàng) nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trườngđến Phòng Tài nguyên và Môi trường. | | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. | | | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:*Qua dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ (<http://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | | | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | | | **Số lượng** |
|  |  | *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | | *Gửi trực tuyến* | | |  |
| 1 | Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở(mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). |  | | Bản điện tử  được ký số | | | 01 |
| 2 | Hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở,khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở. |  | | Bản sao | | | 01 |
| *Số bộ hồ sơ:*01 bộ | | | | | | | |
| **3.2** | **Giải quyết hồ sơ TTHC** | | | | | | |
| ***Bước 1:***Phòng Tài nguyên và Môi trườngtiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân (khách hàng), kiểm tra, thẩm định; thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, rà soát nội dung chỉnh sửa, bổ sung (nếu có); trình UBND huyện trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đổi giấy phép:07ngày làm việc. | | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. | | | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:*Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ (http://dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | | | **Số lượng** |
|  |  | Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI | | Gửi liên thông qua HTTTGQ  TTHC | | |  |
| 1 | Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường |  | | Bản điện tử được ký số | | | 01 |
| 2 | Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở |  | | Bản điện tử được ký số | | | 01 |
| 3 | Hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở. |  | | Bản Scan | | | 01 |
| *Số bộ hồ sơ:01 bộ* | | | | | | | |
| ***Bước 2:*** UBND cấp huyện xem xét, cấp đổi Giấy phép môi trường cho tổ chức, cá nhân đề nghị; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường để trả cho khách hàng: 03ngày làm việc. | | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*Gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. | | | | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả:*Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ (http://dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | | | **Số lượng** |
|  |  | Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI | | | | Gửi liên thông qua HTTTGQ  TTHC |  |
| 1 | Giấy phép môi trường cấp đổi(mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). |  | | | | Bản điện tử được ký số | 01 |
| ***Bước 3:*** Phòng Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho khách hàng. | | | | | | | |
| *Cách thức trả kết quả:*Qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:* Qua địa chỉ hòm thư điện tử đã đăng ký trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ([dvchvx.hagiang.gov.vn](http://dichvucong.hagiang.gov.vn)). | | | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | | | **Số lượng** |
|  |  | Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI | | | Trả trực tuyến | |  |
| 1 | Giấy phép môi trường cấp đổi (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). |  | | | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| **4** | **Thời hạn giải quyết:**  *- Theo quy định của pháp luật:*  + Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định.  + Thời hạn cấp đổi giấy phép môi trường: Tối đa 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.  *- Theo thực tế tại địa phương:* Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và cấp đổi giấy phép môi trường: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | | | | | | |
| **5** | **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường. | | | | | | |
| **6** | **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**  *- Cơ quan thực hiện:* Phòng Tài nguyên và Môi trường.  *- Cơ quan có thẩm quyền:* UBND cấp huyện. | | | | | | |
| **7** | **Phí, lệ phí (nếu có):**Không quy định. | | | | | | |
| **8** | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở khác với giấy phép môi trường đã được cấp. | | | | | | |
| **9** | **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**  - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;  - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bốthủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửađổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏtrong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý củaBộ Tài nguyên và Môi trường. | | | | | | |
| **10** | **Mẫu thành phần hồ sơ:** | | | | | | |
|  | Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). | |  | | | | |

**Phụ lục XIV**

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ**

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  \_\_\_\_\_\_\_  Số: …..  V/v Đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Địa danh, ngày ... tháng ... năm….* |

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ đầu tư dự án, cơ sở (2).

Để đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, (1) đề nghị (3) xem xét, cấp đổi giấy phép môi trường với các thông tin cụ thể như sau:

1. Thông tin về giấy phép môi trường đã được cấp: Giấy phép môi trường số …/GPMT-…. ngày....tháng…năm….

- Tên dự án đầu tư, cơ sở:

- Tên chủ đầu tư dự án, cơ sở:

2. Thông tin đề nghị thay đổi trong giấy phép môi trường của (2).

- Tên dự án đầu tư, cơ sở:

- Tên chủ đầu tư dự án, cơ sở:

(Chỉ liệt kê những thay đổi và thuộc trường hợp cấp đổi giấy phép môi trường)

3. Địa chỉ liên hệ của (1):

- Người đại diện theo pháp luật của (1): Chức vụ

- Điện thoại: ; Fax: ; E-mail:

Chúng tôi xin gửi đến (3) Bản Phụ lục kèm theo Văn bản này, gồm: *Liệt kê danh mục các tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để chứng minh pháp nhân hợp lệ của (1) đối với (2).*

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các hồ sơ, tài liệu được cung cấp kèm theo văn bản này, đồng thời cam kết không thay đổi các nội dung khác của Giấy phép môi trường số..../GPMT-.... ngày .... tháng .... năm... nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét cấp đổi giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - Như trên;  - ….;  - Lưu: ... | ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ...(1)...  *(Ký, ghi rõ họ tên;chức vụ và đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** (1) Tên chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2).

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** 1.010725 | | | | | |
| **Tên thủ tục:** Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | | | | | |
| **1. Cấp thực hiện:** Cấp huyện. | | | | | |
| **2. Lĩnh vực:** Môi trường | | | | | |
| **3. Trình tự thực hiện:** | | | | | |
| **3.1** | **Gửi (nộp) hồ sơ TTHC** | | | | |
| Chủ dự án đầu tư, cơ sở (khách hàng) nộp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trườngđếnPhòng Tài nguyên và Môi trường. | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:* Qua dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ ([dvchvx.hagiang.gov.vn](http://dichvucong.hagiang.gov.vn)). | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | **Số lượng** |
|  |  | *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | | *Gửi trực tuyến* |  |
| 1 | Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở(mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). |  | | Bản điện tử được ký số | 01 |
| *Số bộ hồ sơ: 01 bộ* | | | | | |
| **3.2** | **Giải quyết hồ sơ TTHC** | | | | |
| ***Bước 1:*** Phòng Tài nguyên và Môi trườngtiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân (khách hàng);kiểm tra, yêu cầu khách hàng thanh toán phí thẩm định theo quy định; thẩm định; thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, rà soát nội dung chỉnh sửa, bổ sung (nếu có); trình UBND huyện trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép điều chỉnh: 12ngày làm việc. | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*Gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:*Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ (dvchvx.hagiang.gov.vn). | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | **Số lượng** |
|  |  | Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI | | Gửi liên thông qua HTTTGQ  TTHC |  |
| 1 | Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường |  | | Bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở |  | | Bản điện tử được ký số | 01 |
| 3 | Giấy phép môi trường đã được cấp |  | | Bản điện tử được ký số | 01 |
| *Số bộ hồ sơ: 01 bộ* | | | | | |
| ***Bước 2:*** UBND cấp huyện xem xét, cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường cho tổ chức, cá nhân đề nghị; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường để trả cho khách hàng: 03 ngày làm việc. | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*Gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. | | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả:*Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnhtại địa chỉ (dvchvx.hagiang.gov.vn). | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | **Số lượng** |
|  |  | Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI | | Gửi liên thông qua HTTTGQ  TTHC |  |
| 1 | Giấy phép môi trường điều chỉnh(mẫu số 41 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). |  | | Bản điện tử được ký số | 01 |
| ***Bước 3:*** Phòng Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho khách hàng. | | | | | |
| *Cách thức trả kết quả:* Dịch vụ công trực tuyến. | | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:* Qua địa chỉ hòm thư điện tử đã đăng ký trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ ([dvchym.hagiang.gov.vn](http://dichvucong.hagiang.gov.vn)). | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | **Số lượng** |
|  |  | Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI | | Trả trực tuyến |  |
| 1 | Giấy phép môi trường điều chỉnh(mẫu số 41 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). |  | | Bản điện tử được ký số | 01 |
| **4** | **Thời hạn giải quyết:**  *- Theo quy định của pháp luật:*  + Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định.  + Thời hạn kiểm tra, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.  *- Theo thực tế tại địa phương:* Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | | | | |
| **5** | **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường. | | | | |
| **6** | **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**  *- Cơ quan thực hiện:* Phòng Tài nguyên và Môi trường  *- Cơ quan có thẩm quyền:* UBND cấp huyện | | | | |
| **7** | **Phí, lệ phí (nếu có):**Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang. | | | | |
| **8** | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Thay đổi nội dung cấp phép quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường 2020 theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở hoặc theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường 2020. | | | | |
| **9** | **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**  - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;  - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bốthủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửađổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏtrong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý củaBộ Tài nguyên và Môi trường. | | | | |
| **10** | **Mẫu thành phần hồ sơ:** | | | | |
|  | Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). | |  | | |

**Phụ lục XIII**

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP ĐIỀU CHỈNH, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ**

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  \_\_\_\_\_  Số: …..  V/v Đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Địa danh, ngày ... tháng ... năm……* |

Kính gửi: (3)……….

1. Chúng tôi là: (1), Chủ đầu tư dự án, cơ sở (2) thuộc mục số ... Phụ lục...ban hành kèm theo Nghị định số .../…/NĐ-CP ngày .... tháng .... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dự án, cơ sở (2) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (3).

- Dự án, cơ sở (2) đã được (3) cấp Giấy phép môi trường số: …./GPMT- ngày.... tháng....năm….. *(chỉ nêu trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường, trừ trường hợp cấp điều chỉnh quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường).*

2. Địa chỉ trụ sở chính của (1):

3. Địa điểm thực hiện dự án, cơ sở (2):

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: ngày của (1) hoặc các giấy tờ tương đương.

4. Người đại diện theo pháp luật của (1): Chức vụ:

- Điện thoại: ; Fax: ; E-mail:

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục: …………………. Chức vụ:

Điện thoại: ……………………………………; Email:

Trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường thì nêu bổ sung mục 6 dưới đây:

6. Nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường:

Phần này nêu rõ nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường so với giấy phép môi trường đã được cấp, lý do đề nghị cấp điều chỉnh.

Chúng tôi xin gửi đến (3) hồ sơ gồm (trừ trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường):

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2);

- 01 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án (2) (chỉ gửi trong trường hợp dự án (2) không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường);

- 01 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản tương đương với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả hồ sơ kèm theo văn bản tương đương) có nội dung nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (Chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở có đề nghị nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất).

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - Như trên;  - …..  - Lưu: ... | ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ...(1)...  *(Ký, ghi rõ họ tên;chức vụ và đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** (1) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2).

Biểu mẫu này không áp dụng cho trường hợp cấp điều chỉnh giấy phép môi trường quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trườn

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã thủ tục:** 1.010726 | | | | | | |
| **Tên thủ tục:** Cấp lại giấy phép môi trường | | | | | | |
| **1. Cấp thực hiện:** Cấp huyện. | | | | | | |
| **2. Lĩnh vực:** Môi trường | | | | | | |
| **3. Trình tự thực hiện:** | | | | | | |
| **3.1** | **Gửi (nộp) hồ sơ TTHC** | | | | | |
| Chủ dự án đầu tư, cơ sở (khách hàng) nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trườngđến Phòng Tài nguyên và Môi trường. | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.  Thực hiện thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (bắt buộc) đối với các trường hợp sau:  - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;  - Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. | | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ:*  - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.  - Qua dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ ([dvchym.hagiang.gov.vn](http://dichvucong.hagiang.gov.vn)). | | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | **Số lượng** |
|  |  | | *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi trực tuyến* | |  |
| 1 | Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở(mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); | | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 2 | Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:  *+* Trường hợp dự án đầu tư nhóm III:mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;  *+* Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III:mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; | | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 3 | Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường). | | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| *Số bộ hồ sơ: 01 bộ* | | | | | | |
| **3.2** | **Giải quyết hồ sơ TTHC** | | | | | |
| ***Bước 1:*** Phòng Tài nguyên và Môi trườngtiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân (khách hàng), kiểm tra, yêu cầu khách hàng thanh toán phí thẩm định theo quy định; tổ chức thẩm định; thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, rà soát nội dung chỉnh sửa, bổ sung (nếu có); trình UBND huyện, thành phố trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp lại giấy phép:  + Tối đa 12ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây: (1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; (2) Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.  +Tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp: (1) Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; (2) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung);  +Tối đa 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp: (1) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường; (2) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường. | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính huyện. | | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI*:Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện. | | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | **Số lượng** |
|  |  | | Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI | Gửi liên thông qua HTTTGQ  TTHC | |  |
| 1 | Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường | | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 2 | Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở | | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| 3 | Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở | | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| 4 | Quyết định thành lập tổ thẩm định hoặc tổ kiểm tra theo quy định (nếu có) | | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 5 | Biên bản kiểm tra, khảo sát thực tế, họp thẩm định củatổ thẩm định hoặc tổ kiểm tra theo quy định (nếu có) | | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| 6 | Phiếu thẩm định của tổ thẩm định, tổ kiểm tratheo quy định (nếu có) | | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| 7 | Văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức, chuyên gia được tham vấn trong quá trình cấp giấy phép theo quy định(nếu có) | | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| 8 | Văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung (nếu có) | | Bản chínhvănbản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 9 | Văn bản giải trình chỉnh sửa, bổ sung của chủ dự án (nếu có) | | Bản sao | Bản Scan | | 01 |
| *Số bộ hồ sơ:01 bộ* | | | | | | |
| ***Bước 2:*** UBND cấp huyện xem xét, cấp Giấy phép môi trường cho tổ chức, cá nhân đề nghị; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường để trả cho khách hàng:  + 03 ngày làm việc đối với các trường hợp: (1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; (2) Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;  **+** 05 ngày làm việc đối với các trường hợp: (1) Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; (2) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung); (3) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường; (4) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường. | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:*Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính huyện. | | | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quảtrực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI*:Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện. | | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | **Số lượng** |
|  |  | | Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI | Gửi liên thông qua HTTTGQ  TTHC | |  |
| 1 | Giấy phép môi trường(mẫu số 40 Phụ lục IIphần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) | | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 02 (bản giấy); bản điện tử: 01 bản |
| 2 | Văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường. | | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| ***Bước 3:*** Phòng Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho khách hàng. | | | | | | |
| *Cách thức trả kết quả:* Trực tiếp hoặc qua dich vụ BCCI hoặc dịch vụ công trực tuyến. | | | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.  - Qua địa chỉ hòm thư điện tử đã đăng ký trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ([dvchym.hagiang.gov.vn](http://dichvucong.hagiang.gov.vn)). | | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | **Số lượng** |
|  |  | | Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI | Trả trực tuyến | |  |
| 1 | Giấy phép môi trường(mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) | | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 2 | Văn bản thông báo trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở và nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép môi trường. | | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| **4** | **Thời hạn giải quyết:**  *\* Theo quy định của pháp luật:*  - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định.  - Thời hạn kiểm tra, cấp lại giấy phép môi trường:  +Tối đa 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp:(1) Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; (2) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung);  **+** Tối đa 30(ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp: (1) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường)gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường; (2) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơngửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường (trong đó,tối đa 15 ngàylàm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:  • Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;  • Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).  *- Theo thực tế tại địa phương:*  **+** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp:(1) Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; (2) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung);  +30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp:(1) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường)gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường; (2) Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường (trong đó,tối đa 15 ngàylàm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:  • Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;  • Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). | | | | | |
| **5** | **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường. | | | | | |
| **6** | **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**  *- Cơ quan thực hiện:* Phòng Tài nguyên và Môi trường.  *- Cơ quan phối hợp:* Các phòng, ban liên quan và UBND các các xã, thị trấn (nơi thực hiện dự án).  *- Cơ quan có thẩm quyền:* UBND cấp huyện. | | | | | |
| **7** | **Phí, lệ phí (nếu có):**Theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang. | | | | | |
| **8** | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**  - Giấy phép môi trường hết hạn;  - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có một trong các thay đổi về tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường so với giấy phép môi trường đã được cấp, trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường. | | | | | |
| **9** | **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**  - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;  - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bốthủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửađổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏtrong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý củaBộ Tài nguyên và Môi trường. | | | | | |
| **10** | | **Mẫu thành phần hồ sơ:** | | | | |
|  | | Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở(mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) | | |  | |
|  | | Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:Trường hợp dự án đầu tư nhóm III:mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP | | |  | |
|  | | Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III:mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; | | |  | |

**Phụ lục XIII**

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP ĐIỀU CHỈNH, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ**

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  \_\_\_\_\_  Số: …..  V/v Đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Địa danh, ngày ... tháng ... năm……* |

Kính gửi: (3)……….

1. Chúng tôi là: (1), Chủ đầu tư dự án, cơ sở (2) thuộc mục số ... Phụ lục...ban hành kèm theo Nghị định số .../…/NĐ-CP ngày .... tháng .... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dự án, cơ sở (2) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (3).

- Dự án, cơ sở (2) đã được (3) cấp Giấy phép môi trường số: …./GPMT- ngày.... tháng....năm….. *(chỉ nêu trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường, trừ trường hợp cấp điều chỉnh quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường).*

2. Địa chỉ trụ sở chính của (1):

3. Địa điểm thực hiện dự án, cơ sở (2):

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: ngày của (1) hoặc các giấy tờ tương đương.

4. Người đại diện theo pháp luật của (1): Chức vụ:

- Điện thoại: ; Fax: ; E-mail:

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục: …………………. Chức vụ:

Điện thoại: ……………………………………; Email:

Trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường thì nêu bổ sung mục 6 dưới đây:

6. Nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường:

Phần này nêu rõ nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường so với giấy phép môi trường đã được cấp, lý do đề nghị cấp điều chỉnh.

Chúng tôi xin gửi đến (3) hồ sơ gồm (trừ trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường):

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2);

- 01 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án (2) (chỉ gửi trong trường hợp dự án (2) không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường);

- 01 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản tương đương với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả hồ sơ kèm theo văn bản tương đương) có nội dung nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (Chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở có đề nghị nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất).

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - Như trên;  - …..  - Lưu: ... | ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ...(1)...  *(Ký, ghi rõ họ tên;chức vụ và đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** (1) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2).

Biểu mẫu này không áp dụng cho trường hợp cấp điều chỉnh giấy phép môi trường quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục XI

MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM III

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo.

|  |
| --- |
| Cơ quan cấp trên của chủ dự án đầu tư  (1)  BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  của dự án đầu tư (2)  CHỦ Dự ÁN ĐẦU TƯ (\*)  *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*  *Địa danh (\*\*), tháng ... năm ...* |

*Ghi chú:* (1) Tên cơ quan chủ quản dự án đầu tư; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư; (\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi thực hiện dự án đầu tư hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án đầu tư.

2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT DANH

MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư:

- Địa chỉ văn phòng:

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:

- Điện thoại: ..........................; Fax: ......................; E-mail: .......................

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: .........ngày ...........của chủ dựán đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương.

2. Tên dự án đầu tư:

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật vềđầu tư công): ............................................

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư: .......................................

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư: .......................................

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có):

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

*Ghi chú:* Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình cấp giấy phép môi trường nhưng không cộ thay đổi, chủ dự án không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi.

Chương III

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật: Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án, trong đó làm rõ:

- Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án;

- Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án (nếu có).

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

- Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải: hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải; chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước: diễn biến dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất trong năm, lưu lượng dòng chảy kiệt nhất trong năm, chế độ thủy triều, hải văn.

- Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận và kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

- Đơn vị quản lý công trình thủy lợi trong trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có): Tên, địa chỉ, số điện thoại.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:

Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án được thực hiện ít nhất là 03 đợt khảo sát. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường. Tổng hợp kết quả để làm rõ sự phù hợp của địa điểm lựa chọn với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

Chương IV

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải: Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có).

1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Mô tả quy mô, vị trí của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải: Các công trình giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

- Thuyết minh về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải dự kiến xây dựng hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý; CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý nước thải, kèm theo bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước (sau đây gọi tắt là bản vẽ thiết kế, đính kèm tại Phụ lục của báo cáo);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có). CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có);

- Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).

2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý bụi, khí thải, kèm theo bản vẽ thiết kế (đính kèm tại Phụ lục báo cáo);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có);

- Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):

- Dự báo về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành; chất thải nguy hại phát sinh (kg/năm và kg/tháng);

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình lưu giữ, xử lý chất thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình lưu giữ, xử lý chất thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (đính kèm tại Phụ lục báo cáo);

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn khác (nếu có).

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường:

- Mô tả chi tiết các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án;

- Mô tả các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khác (nếu có).

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

- Mô tả chi tiết các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).

2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có).

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.

- Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

- Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án đầu tư. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan.

**Chương V**

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

...................

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi dự án).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi dự án.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

.......................

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của dự án, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án đầu tư, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả dự án đầu tư tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải (lấy mẫu tổ hợp và mẫu đơn); thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông sốgiám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Quan trắc nước thải: thông số quan trắc, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: số lượng, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ dự án đầu tư về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;

- Bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc bản vẽ thiết kế thi công các công trình bảo vệ môi trường, kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải;

- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);

- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường ít nhất là 03 đợt khảo sát;

- Phiếu kiểm định, hiệu chuẩn của cơ quan, tổ chức có chức năng đối với các thiết bị quan trắc tự động, liên tục chất thải đã được lắp đặt (nếu có);

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

- Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

***Ghi chú:*** Trường hợp cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư quy định tại điểm b và điểm d khoản 4 Điều 30 Nghị định này, báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường chỉ thể hiện các nội dung thay đổi so với nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trước đó.

**Phụ lục XII**

**MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ĐANG HOẠT ĐỘNG CÓ TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI DỰ ÁN NHÓM III***\_\_\_\_\_\_\_\_*

1. Mẫu trang bìa và phụ bìa báo cáo.

|  |
| --- |
| Cơ quan cấp trên của chủ cơ sở  (1)  BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  của cơ sở (2)  **CHỦ CƠ SỞ (\*)**  *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*  *Địa danh (\*\*), tháng ... năm ...* |

***Ghi chú:*** (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ sở; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của cơ sở; (\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa báo cáo; (\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh/huyện/xã nơi cơ sở hoạt động hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ cơ sở.

**2. Cấu trúc, nội dung báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở.**

**MỤC LỤC**

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT DANH**

**MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ**

**Chương I**

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Địa chỉ văn phòng:

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

- Điện thoại: ; Fax: ; E-mail:

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: ngày của cơ sở hoặc các giấy tờ tương đương.

2. Tên cơ sở:

- Địa điểm cơ sở:

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):

**Chương II**

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG

CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có):

Nêu rõ sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

***Ghi chú:*** Đối với nội dung đã được đánh giá trong quá trình cấp giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi, chủ cơ sở không phải thực hiện đánh giá lại và ghi là không thay đổi.

**Chương III**

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có):

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Mô tả chi tiết thông sốkỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của công trình thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa;

- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước mưa khác (nếu có).

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Công trình thu gom nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải sinh hoạt, công nghiệp từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý nước thải;

- Công trình thoát nước thải: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài, ...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải;

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí xả nước thải; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đấu nối nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải. Trường hợp nguồn tiếp nhận nước thải là công trình thủy lợi thì nêu rõ tên công trình thủy lợi, cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi; việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với công trình thủy lợi;

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên;

- Mô tả các biện pháp thu gom, thoát nước thải khác (nếu có).

1.3. Xử lý nước thải:

- Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của từng công trình; quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;

- Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có).

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có):

Đối với từng công trình xử lý bụi, khí thải cần làm rõ:

- Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng công trình thu gom khí thải từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý khí thải;

- Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của công trình (xử lý bụi, khí thải cho công đoạn hoặc dây chuyền sản xuất nào của cơ sở); quy mô, công suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất cho quá trình vận hành công trình; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có), CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; làm rõ việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát;

- Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác (nếu có).

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ chất thải.

- Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành.

- Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung phải nêu rõ các công trình, thiết bị, phương tiện thu gom phục vụ cho xử lý chất thải rắn.

- Báo cáo về chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường,...) phát sinh tại cơ sở;

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác (nếu có).

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Mô tả rõ từng công trình lưu giữ chất thải nguy hại, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản nhằm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Công trình xử lý chất thải nguy hại tự phát sinh tại cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành;

- Đối với cơ sở xử lý chất thải nguy hại phải nêu rõ: hệ thống, công trình, thiết bị lưu giữ, vận chuyển, trung chuyển, sơ chế, xử lý chất thải nguy hại;

- Báo cáo về chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở (kg/năm và kg/tháng);

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại khác (nếu có).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Mô tả chi tiết các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động (nếu có), trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình;

- Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Mô tả các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Mô tả các biện pháp bảo vệ môi trường khác áp dụng đối với cơ sở.

**Chương IV**

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh nước thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh nước thải (sinh hoạt, công nghiệp) đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

…………

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng nước thải: Nêu rõ số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận hoặc xả vào công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi cơ sở).

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Ghi rõ vị trí xả nước thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải (tự chảy, xả cưỡng bức), nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi cơ sở.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

- Nguồn phát sinh khí thải: Nêu rõ từng nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép.

+ Nguồn số 01:

+ Nguồn số 02:

…………………

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: Nêu rõ lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép.

- Dòng khí thải: Nêu rõ số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép (là dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường)

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Nêu rõ các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải, đảm bảo phù hợp với tính chất của cơ sở, nguồn thải và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Vị trí, phương thức xả khí thải: Ghi rõ vị trí xả khí thải (có tọa độ địa lý), phương thức xả thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Nguồn phát sinh: Nêu rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Nêu rõ giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

**Chương V**

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ trong 01 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất, trong đó phải nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

Lập bảng tổng hợp các kết quả quan trắc bụi, khí thải định kỳ trong 01 năm liền kề trước thời điểm lập báo cáo đề xuất, trong đó phải nêu rõ quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định):

Lập bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải, bụi, khí thải trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Nêu rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải.

**Chương VI**

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có trong trường hợp đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường) và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả cơ sở tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải: Việc đánh giá phải được thực hiện cho từng công đoạn xử lý và toàn bộ hệ thống xử lý (lấy mẫu tổ hợp), trường hợp công trình, thiết bị xử lý hợp khối hoặc công trình xử lý chất thải quy mô nhỏ chỉ thực hiện lấy mẫu đơn để quan trắc; thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Quan trắc nước thải: thông số quan trắc, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: số lượng, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

**Chương VII  
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI**

**TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Phần này nêu rõ các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo và đính kèm các quyết định, kết luận kiểm tra, thanh tra (nếu có). Trường hợp có vi phạm về bảo vệ môi trường thì nêu rõ việc khắc phục vi phạm.

Chương VIII  
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Phần này nêu rõ các cam kết của chủ cơ sở về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;

- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật;

- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa (nếu có);

- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở (nếu có);

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

- Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;

- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (nếu có); các giấy phép môi trường thành phần (nếu có).

***Ghi chú:*** Trường hợp cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định này, báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường không thể hiện nội dung quy định tại Chương I và Chương III Biểu mẫu này.

**3.Lĩnh vực Tài nguyên nước**

**1.Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lấy ý kiến**

***a) Trình tự thực hiện:***

***-*** *Bước 1: Nộp hồ sơ:*

Chủ đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ (theo khoản 3 Điều 2 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023) đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện.

***-*** *Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:*

Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ.

***-*** *Bước 3: Thực hiện lấy ý kiến và ra văn bản trả lời:*

Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp, gửi văn bản xin ý kiến hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt ra văn bản trả lời.

***-*** *Bước 4. Trả kết quả:*

Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện gửi văn bản trả lời cho Chủ dự án.

***b) Cách thực thực hiện:***

- *Nộp hồ sơ:* Chủ đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện.

- *Thực hiện lấy ý kiến và ra văn bản trả lời:*Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức lấy ý kiến, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp bổ sung các số liệu, báo cáo, thông tin về dự án nếu các cơ quan có yêu cầu và trực tiếp báo cáo, thuyết minh, giải trình tại các cuộc họp lấy ý kiến để làm rõ các vấn đề liên quan đến dự án. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý. Văn bản góp ý và tổng hợp tiếp thu, giải trình là thành phần của hồ sơ dự án khi trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt ra văn bản trả lời.

***-*** *Trả kết quả:* Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện gửi văn bản trả lời cho Chủ dự án.

***c) Thành phần, hồ sơ:***

- Thuyết minh và thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi) kèm theo tờ trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định dự án;

- Kế hoạch triển khai xây dựng công trình;

- Tiến độ xây dựng công trình;

- Dự kiến tác động của việc khai thác, sử dụng nước và vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành;

- Các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, đảm bảo nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành;

- Các thông tin quy định tại khoản 1 điều 3 của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023;

- Các số liệu, tài liệu khác liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Quy mô, phương án chuyển nước (đối với dự án có chuyển nước).

***d) Thời hạn giải quyết:***

\* Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh:

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi cho chủ đầu tư.

\* Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh:

- Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tỏ chức có liên quan cho ý kiến về quy mô, phương án chuyển nước đề xuất hoặc đối thạo trực tiếp với chủ đầu tưl tổng hợp ý kiến và gửi cho chủ đầu tư..

***đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ đầu tư.

***e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

***g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Văn bản trả lời xin ý kiến.

***h) Kinh phí***: Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả.

***i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai***: Không quy định.

***k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không quy định.

***l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

**2. Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất**

a) Trình tự thực hiện:

Cơ quan xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất là Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

- Căn cứ Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thuộc diện phải đăng ký trên địa bàn; thông báo và phát 02 tờ khai đăng ký theo Mẫu 35 Nghị định 02/2023/NĐ-CP cho tổ chức, cá nhân để kê khai. Trường hợp chưa xây dựng công trình khai thác nước dưới đất, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký khai thác trước khi tiến hành xây dựng công trình.

- Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành hai (02) tờ khai và nộp cho cơ quan xác nhận đăng ký hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai cho cơ quan xác nhận đăng ký.

- Cơ quan xác nhận đăng ký có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã đăng ký khai thác nước dưới đất, nếu không tiếp tục khai thác, sử dụng thì phải thông báo và trả tờ khai (đã được xác nhận) cho cơ quan xác nhận đăng ký hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã để báo cho cơ quan xác nhận đăng ký và thực hiện việc trám, lấp giếng không sử dụng theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã phát trực tiếp tờ khai cho tổ chức, cá nhân; Tổ chức cá nhân nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan xác nhận đăng ký.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan xác nhận đăng ký gửi một (01) bản tờ khai đã được xác nhận cho tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất: Mẫu 35 Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành hai (02) tờ khai và nộp cho cơ quan xác nhận đăng ký hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, cơ quan xác nhận đăng kí có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận và tờ khai và gửi một (01) bản cho tổ chức, cá nhân.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện/xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thực hiện thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất theo Mẫu 35 Phụ lục Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

h) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

**Mẫu 35**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**TỜ KHAI****ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**  
*(đối với trường hợp khai thác, sử dụng nước cho: ăn uống, sinh hoạt hộ gia đình; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các mục đích khác)*

**A - PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

**1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:**

1.1. Tên tổ chức/cá nhân: .................................................................................

*(Đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân).*

1.2. Địa chỉ liên hệ: .................................................................................

1.3. Số điện thoại liên hệ: .................................................................................

**2. Thông tin về công trình khai thác:**

2.1. Vị trí công trình: .................................................................................

*(Ghi rõ thôn/ấp; xã/phường; quận/huyện; tỉnh/thành phố nơi đặt công trình khai thác nước dưới đất)*

2.2. Số giếng khai thác: ............*(m)*; *Chiều sâu khai thác:* .................*(m)*

2.3. Lượng nước khai thác, sử dụng: .................*(m3/ngày đêm);*

2.4. Mục đích khai thác, sử dụng nước: .................................................................................

*(Ghi rõ khai thác, sử dụng nước cho: ăn uống, sinh hoạt hộ gia đình; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các mục đích khác)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..........., ngày .... tháng ..... năm ........* **Tổ chức/cá nhân đăng ký** *Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **B - PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ** *(Xác nhận, ký, đóng dấu)* |  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất xác nhận các nội dung sau:**

1. Tính xác thực về tư cách pháp nhân của tổ chức /cá nhân xin đăng ký.

2. Vị trí công trình, lưu lượng khai thác và mục đích sử dụng nước.

3. Quy định trường hợp không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo trực tiếp và trả tờ khai cho cơ quan tiếp nhận quản lý; thực hiện việc trám, lấp giếng theo quy định khi không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất; thông báo ngay cho cơ quan quản lý khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá trình khai thác nước dưới đất tại công trình đăng ký.

1. Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất [↑](#footnote-ref-2)
2. Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất [↑](#footnote-ref-3)
3. Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu…); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế…) [↑](#footnote-ref-4)
4. Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư [↑](#footnote-ref-5)
5. Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất [↑](#footnote-ref-6)
6. Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất [↑](#footnote-ref-7)
7. Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu…); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế…) [↑](#footnote-ref-8)
8. Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư [↑](#footnote-ref-9)
9. () Ghi: đến ngày… tháng … năm …đối với trường hợp giao đất có thời hạn. [↑](#footnote-ref-10)
10. ()Ghi rõ các trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất/giao đất có thu tiền sử dụng đất/chuyển từ thuê đất sang giao đất/chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất…. [↑](#footnote-ref-11)
11. () Đối với trường hợp không ban hành riêng quyết định phê duyệt giá đất cụ thể. [↑](#footnote-ref-12)
12. Ghi rõ: Trả tiền thuê đất hàng năm hay trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; chuyển từ giao đất sang thuê đất…. [↑](#footnote-ref-13)
13. Ghi thêm văn bản công nhận kết quả đấu thầu; Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận đầu tư …. [↑](#footnote-ref-14)
14. *Ghi thêm theo Giấy chứng nhận đầu tư….đối với trường hợp bên thuê đất có Giấy chứng nhận đầu tư* [↑](#footnote-ref-15)
15. *Phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan* [↑](#footnote-ref-16)
16. *Phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan* [↑](#footnote-ref-17)
17. Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất [↑](#footnote-ref-18)
18. Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất [↑](#footnote-ref-19)
19. Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu…); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế…) [↑](#footnote-ref-20)
20. Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư [↑](#footnote-ref-21)
21. Ghi: Đối với trường hợp không ban hành riêng quyết định phê duyệt giá đất cụ thể. [↑](#footnote-ref-22)